

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN HẢI CHÂU CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 336/2018/QĐST-HNGĐ

Hải Châu, ngày 29 tháng 10 năm 2018

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN HẢI CHÂU, THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG

Căn cứ khoản 4 Điều 397 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 55, Điều 58, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình;

Căn cứ Luật phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số 311/2018/TLST-HNGĐ ngày 04 tháng 10 năm 2018 về việc yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

- *Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:*

- Ông **Dương H** - sinh năm 1987 - Địa chỉ: Đường V, phường A, quận K, thành phố Đà Nẵng.

- Bà **Nguyễn Thị Thu G** - sinh năm 1987 - Địa chỉ: Đường P, phường T, quận C, thành phố Đà Nẵng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Ông Dương H và bà Nguyễn Thị Thu G đăng ký kết hôn vào ngày 03 tháng 01 năm 2012 tại UBND phường T, quận C, thành phố Đà Nẵng trên cơ sở tự nguyện. Do vậy, đây là hôn nhân hợp pháp, được pháp luật công nhận và bảo vệ.

Trong quá trình chung sống giữa ông H và bà G phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do tính tình và quan điểm sống không hòa hợp nên hiện nay ông bà đã tự sống ly thân mỗi người một nơi; giữa vợ chồng không còn quan tâm, thương yêu, chăm sóc lẫn nhau.

Xét thấy: Mâu thuẫn của ông H và bà G đã trầm trọng, không thể hàn gắn, tình cảm vợ chồng không còn, việc thuận tình ly hôn của ông H và bà G là tự nguyện, không trái pháp luật, không trái đạo đức xã hội. Do đó, căn cứ Điều 55 Luật Hôn nhân và Gia đình để công nhận thuận tình ly hôn cho ông H và bà G.

[2] Về con chung: Ông H và bà G có 03 con chung là: Dương Nguyễn Thiên M – sinh ngày 22/5/2013, Dương Thiên U – sinh ngày 05/5/2016 và Dương Nguyễn Thảo N – sinh ngày 12/8/2018. Khi ly hôn, ông H và bà G thống nhất thỏa thuận như sau: Bà Nguyễn Thị Thu G trực tiếp nuôi dưỡng cả 03 con chung; ông Dương H tự nguyện cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng là 5.000.000 đồng/03 con. Thời gian thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng kể từ khi quyết định của Tòa án có hiệu lực pháp luật cho đến khi các con chung đủ 18 tuổi.

Xét thấy sự thỏa thuận về việc nuôi con chung và mức cấp dưỡng nuôi con của ông H và bà G là tự nguyện, phù hợp với Điều 58 Luật Hôn nhân và Gia đình nên chấp nhận.

[3] Về tài sản chung và nợ chung: Ông H và bà G không có tài sản chung và không có nợ chung nên Tòa án không đề cập đến.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Ông Dương H và bà Nguyễn Thị Thu G thỏa thuận thuận tình ly hôn

- Về con chung:

- + Bà Nguyễn Thị Thu G trực tiếp nuôi dưỡng 03 con chung là: Dương Nguyễn Thiên M – sinh ngày 22/5/2013, Dương Thiên U – sinh ngày 05/5/2016 và Dương Nguyễn Thảo N – sinh ngày 12/8/2018.

- + Ông Dương H có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng là 5.000.000 đồng/03 con (*bằng chữ: Năm triệu đồng*). Thời gian thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng kể từ khi quyết định của Tòa án có hiệu lực pháp luật cho đến khi các con chung đủ 18 tuổi.

Kể từ ngày bà Nguyễn Thị Thu G có đơn yêu cầu thi hành án mà ông Dương H chậm thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng thì ông Dương H phải trả lãi đối với số tiền chậm trả với lãi suất được xác định bằng 50% mức lãi suất giới hạn quy định tại khoản 1 Điều 468 của Bộ luật Dân sự tương ứng với thời gian chậm trả tại thời điểm thanh toán.

Sau khi ly hôn, các bên đương sự vẫn có mọi quyền và nghĩa vụ đối với con chung theo quy định của pháp luật. Bên không nuôi con có quyền đi lại, thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được quyền ngăn cản. Khi cần thiết vì lợi ích con chung các bên có quyền làm đơn xin thay đổi nuôi con hoặc mức cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung và nợ chung: Không có.

2. Về lệ phí Tòa án: Lệ phí giải quyết việc hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng ông Dương H và bà Nguyễn Thị Thu G mỗi người phải chịu một nửa, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu số 0006567 ngày 04 tháng 10 năm 2018 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Hải Châu. Ông H và bà G đã nộp đủ lệ phí hôn nhân và gia đình.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp quyết định được thi hành theo Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Người yêu cầu;
- Viện kiểm sát nhân dân quận Hải Châu;
- UBND phường T;
- Lưu hồ sơ việc dân sự.

THẨM PHÁN

Lê Thị Thu Thảo